TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2025.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa Pên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Ngẫu.
+ Bà Lý Thị Bạch Tuyết.
- T1 ký Pên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - T1 ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia Pên tòa:
Bà Trần Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Thanh T, sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện V, tỉnh T.
Địa chỉ tạm trú: Số K, tổ Q, khu phố W, phường P, Thành phố O, tỉnh R.
- *Bị đơn*: Anh Trương P, sinh năm: 1992.
Địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đ.
(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2025, bản tự khai ngày 11/4/2025 nguyên đơn chị Trương Thị Thanh T trình bày: Chị và anh P chung sống với nhau từ năm 2023, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ ngày 03/3/2014. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2016, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh P không lo làm ăn T1ờng tụ tập bạn bè ăn chơi cũng không quan tâm gì đến vợ, con. Đến năm 2023, anh P vi phạm pháp luật đã bị Tòa án xét xử và hiện đang chấp hành án tại Trại giam T- Cục C10, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không quan tâm gì đến anh P, chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Có 01 cháu. Trương Song T1, sinh ngày 23/7/2014. Hiện chị đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Tại bản khai ngày 16/5/2025, bị đơn anh Trương P trình bày: Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2023, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ ngày 03/3/2014. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2023, anh vi phạm pháp luật đã bị Tòa án xét xử và hiện đang chấp hành án tại Trại giam T- Cục C10. Nay, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 cháu. Trương Song T1, sinh ngày 23/7/2014, anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Pên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T1 ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh P.

Về con chung: Có 01 cháu. Trương Song T1, sinh ngày 23/7/2014. Thời gian qua chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nên giao cháu Trương Song T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại Pên tòa nguyên đơn chị T và bị đơn anh P đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trương P cư trú tại huyện L, tỉnh Đ. Chị T có đơn tranh chấp ly hôn với anh P. Quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh T và anh Trương P kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/3/2014 là

hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị T và anh P có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, anh P không lo làm ăn và không quan tâm đến vợ, con. Đến năm 2023, anh P đã vi phạm pháp luật, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nhận thấy, điều kiện để chị T và anh P đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 01 cháu. Trương Song T1, sinh ngày 23/7/2014, cháu T1 đã trên 07 tuổi. Qua tham khảo ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng được sống cùng chị T.

Xét thấy, thời gian qua chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T1. Giao cháu Trương Song T1, sinh ngày 23/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thanh T đối với anh Trương P về việc "Tranh chấp ly hôn".

Cho chị Trương Thị Thanh T được ly hôn anh Trương P.

Về con chung: Giao cháu Trương Song T1, sinh ngày 23/7/2014 cho chị Trương Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Trương P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T, anh P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh P được quyền đến thăm con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị Trương Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0014886 ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. (chị T đã nộp xong)

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận :
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Ủy ban nhân dân xã Phước Thái (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đông Nai (1);
- Lưu (3).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán- Chủ tọa Pên tòa
Nguyễn Văn Ngẫu	**Lý Thị Bạch Tuyết**	**Nguyễn Tấn Cảnh**